

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2023/DS-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Thùy Dương;
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 407/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lam Vu Trung C, sinh năm 1996; địa chỉ: Số A, đường T, Tổ 8, Khu phố 2, phường PC, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Phan Ngoc Thanh Th, sinh năm 1992; địa chỉ: Số E, đường N, Tổ 36, Khu phố 3, phường HT, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lam Vu Trung C trình bày:

Ông Lam Vu Trung C không có mối quan hệ gì với bà Phan Ngoc Thanh Th, ông C quen biết bà Th do ông C là người giao hàng cho bà Th. Ông C có cho bà Th vay tiền nhiều lần, tổng số tiền gốc là 179.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 29/01/2023, ông C cho bà Th vay số tiền 100.000.000 đồng. Ông C cho bà Th vay tiền không lãi suất. Bà Th có viết giấy vay tiền và ký ghi họ tên. Bà Th nói với ông C vay tiền để chuộc lại sổ đỏ và hứa đến ngày 30/03/2023 sẽ trả tiền nhưng đến nay chưa trả.

- Ngày 16/3/2023, bà Th nhắn tin cho ông C qua tài khoản zalo nói cần tiền đóng học cho con hỏi vay thêm 5.000.000đ. Ông C đồng ý cho bà Th vay tiền và chuyển

khoản cho bà Th vào số tài khoản 0281000599515 của bà Th tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương. Số tiền này ông C cho bà Th vay không lấy lãi và không làm giấy tờ vay, chỉ thể hiện qua sao kê tài khoản và có tin nhắn của bà Th hỏi vay tiền qua zalo.

- Ngày 03/4/2023, bà Th nhắn tin cho ông C qua tài khoản zalo nói cần tiền chuộc điện thoại hỏi vay thêm 20.000.000đ. Ông C đồng ý cho bà Th vay tiền và chuyển khoản cho bà Th vào số tài khoản 0281000599515 của bà Th. Số tiền này ông C cho bà Th vay không lấy lãi và không làm giấy tờ vay, chỉ thể hiện qua sao kê tài khoản và có tin nhắn của bà Th hỏi vay tiền qua zalo.

- Ngày 19/4/2023, bà Th nhắn tin cho ông C qua tài khoản zalo nói cần tiền đóng lãi ngân hàng hỏi vay thêm 24.000.000đ. Ông C đồng ý cho bà Th vay tiền và chuyển khoản cho bà Th vào số tài khoản 0281000599515 của bà Th. Số tiền này ông C cho bà Th vay không lấy lãi và không làm giấy tờ vay, chỉ thể hiện qua sao kê tài khoản và có tin nhắn của bà Th hỏi vay tiền qua zalo.

- Ngày 05/5/2023, bà Th nhắn tin cho ông C qua tài khoản zalo nói cần chuộc xe hỏi vay thêm 30.000.000đ. Ông Lam Vu Trung C đồng ý cho bà Th vay tiền và chuyển khoản cho bà Th vào số tài khoản 0281000599515 của bà Th. Số tiền này ông C cho bà Th vay không lấy lãi và không làm giấy tờ vay, chỉ thể hiện qua sao kê tài khoản và có tin nhắn của bà Th hỏi vay tiền qua zalo.

Tất cả những lần vay từ ngày 16/3/2023 bà Th hứa sau khi chuộc xe về trả lại tiền cho ông C nhưng bà Th không thực hiện. Đến cuối tháng 5/2023, ông C yêu cầu bà Th trả nợ nhưng không liên lạc được, ông C có nhắn tin qua zalo và gọi điện thoại cho bà Th nhưng bà Th không trả lời. Ông C đã nhiều lần đến nhà bà Th để đòi tiền nhưng bà Th không có nhà, có gặp ba bà Th là ông Hùng thì ông nói bà Th không có nhà.

Nay Ông Lam Vu Trung C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Ngoc Thanh Th trả số tiền gốc là 179.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Do là chỗ quen biết nên khi ông C cho bà Th vay tiền không lấy lãi và cũng không giữ giấy tờ tài sản gì của bà Th. Giấy vay tiền ngày 29/01/2023 là do bà Th tự viết và điền thông tin cá nhân sinh năm 1991 nhưng khi ông C tìm hiểu qua số tài khoản của bà Th mà ông C chuyển tiền cho bà Th thì bà Th sinh năm 1992. Sau khi ông C khởi kiện thì bà Th có liên lạc với ông C và hứa là đến cuối tháng 8/2023 sẽ trả nợ. Tất cả tin nhắn liên quan đến việc bà Th hỏi vay tiền của ông C và hứa trả nợ ông C vẫn còn lưu trong điện thoại.

2. Bị đơn bà Phan Ngoc Thanh Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu gì đối với vụ án.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Lam Vu Trung C vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn bà Phan Ngoc Thanh Th đã được tổng đạt họp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ đầy đủ, đúng trình tự theo quy định. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 48, Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngày 06 tháng 6 năm 2023, ông Lam Vu Trung C có đơn khởi kiện yêu cầu bà Phan Ngoc Thanh Th phải trả số tiền nợ gốc là 179.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn bà Phan Ngoc Thanh Th có nơi cư trú tại phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Nguyên đơn ông Lam Vu Trung C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Phan Ngoc Thanh Th đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số tiền gốc: Ông Lam Vu Trung C yêu cầu bà Phan Ngoc Thanh Th trả số tiền nợ gốc là 179.000.000 đồng. Chứng cứ ông C cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy vay tiền đề ngày 29/01/2023, sổ phụ tiền gửi không kỳ hạn ngày 03/4/2023, sổ phụ tiền gửi không kỳ hạn ngày 16/03/2023, sổ phụ tài khoản không kỳ hạn ngày 19/04/2023, sổ phụ tài khoản 05/05/2023. Xét thấy, ngày 29/01/2023, ông C cho bà Th vay số tiền 100.000.000 đồng, bà Th có viết giấy vay tiền đề ngày 29/01/2023; còn các khoản nợ khác không có lập hợp đồng vay tuy nhiên, theo các sổ phụ tài khoản tiền gửi mà ông C cung cấp cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: ngày 03/4/2023 ông C chuyển khoản cho bà Th vay 20.000.000đ, ngày 16/03/2023 cho vay 5.000.000 đồng; ngày 19/04/2023 chuyển khoản cho bà Th cho vay 24.000.000 đồng; ngày 05/05/2023 chuyển khoản cho bà Th vay 30.000.000 đồng; nội dung chuyển khoản thể hiện cho bà Th mượn và nội dung chuyển khoản phù hợp với nội

dung chuyển tiền theo bảng sao kê tài khoản số 0281000599515 của bà Th do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Bình Dương cung cấp ngày 14/8/2023. Quá trình giải quyết vụ án bà Th không đến Tòa làm việc và không cung cấp tài liệu chứng cứ nào chứng minh đã thanh toán nợ cho ông C. Theo bảng sao kê tài khoản mà Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cung cấp cũng không thể hiện hiện việc bà Th chuyển tiền trả cho ông Chánh. Do đó, có căn cứ xác định số tiền bà Th còn nợ của ông C là 179.000.000 đồng. Theo giấy nhận nợ đề ngày 29/01/2023 và nội dung trao đổi các lần mượn nợ thể hiện thời gian bà Th phải thanh toán tiền cho ông C là vào ngày 15/5/2023 nhưng bà Th không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ông C nhiều lần nhắn tin yêu cầu bà Th thanh toán tiền nợ nhưng bà Th không thực hiện. Như vậy yêu cầu của ông C là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất: Ông Lam Vu Trung C không yêu cầu bà Th trả lãi và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lam Vu Trung C đối với bị đơn bà Phan Ngoc Thanh Th về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bà Th có trách nhiệm thanh toán cho ông C số tiền nợ gốc là 179.000.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Phan Ngoc Thanh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 8.950.000 đồng. Nguyên đơn ông Lam Vu Trung C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các điều 457, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lam Vu Trung C về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bị đơn bà Phan Ngoc Thanh Th.

Buộc bà Phan Ngoc Thanh Th có trách nhiệm trả cho ông Lam Vu Trung C số tiền 179.000.000 đồng (một trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Ngọc Thanh Th phải chịu số tiền 8.950.000đ (tám triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho ông Lam Vu Trung C số tiền 4.475.000 đồng (bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003367, ngày 14/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga